

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU PHONG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 08/2023/DS-ST

Ngày 14-7-2023

*“ V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Xuân Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Diệp và ông Hoàng Đức Bảo.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLST- DS ngày 07 tháng 2 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST- DS ngày 05/6/2023 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 21/6/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1978; nơi cư trú: số nhà 02, đường Hòa Mỹ 2, phường Minh Hòa, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

*Bị đơn:* ông Đặng Tiến Đ, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn Cao Việt, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:*

Ông Nguyễn Anh T là nhà phân phối của Công ty bia Keineken đóng tại địa chỉ số nhà 02, đường Hòa Mỹ 2, phường Minh Hòa, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Đặng Tiến Đ trước đây có thuê mặt bằng và mở quán nhậu “Đô Bất Tử” tại địa chỉ lô 8, lô 9, đường Hoàng Thị Loan, phường Hoàng Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Vào ngày 01/6/2022, ông Đặng Tiến Đ có mượn của ông T số tiền 200.000.000 đồng (không có lãi suất), ông Đ có viết giấy nhận nợ lập ngày 01/6/2022, ông Đ có hẹn từ ngày 10 đến ngày 15/6/2022 sẽ hoàn trả đủ số tiền trên cho ông T. Đến ngày 27/6/2022 ông Đ có trả cho ông T số tiền 60.000.000 đồng, còn nợ lại 140.000.000 đồng. Trong quá trình ông Đ bán tại quán nhậu “Đô Bất Tử” ông Đ có mua bia, nước ngọt tại nhà phân phối của ông T với số tiền 116.490.000 đồng, khoản tiền này cá nhân ông T đứng ra cho ông Đ nợ chứ không liên quan gì

đến Công ty bia Keineken. Như vậy, tổng số tiền ông Đg nợ ông T là 256.490.000 đồng. Trong khoảng thời gian tháng 11/2022 ông Đặng Tiến Đ sang quán, trước khi sang quán ông Đ hứa sẽ trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ nói trên là 256.490.000 đồng, tuy nhiên từ đó đến nay ông Đ không trả tiền nợ cho ông T. Đã nhiều lần ông T liên lạc qua điện thoại với ông Đ thì ông Đ không nghe máy, ông T trực tiếp đi tìm ông Đ nhưng không có tin tức của ông Đ. Hiện nay qua tìm hiểu ông T được biết ông Đặng Tiến Đ đã về quê và hiện đang sinh sống tại thôn Cao Việt, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, ông T làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết buộc ông Đặng Tiến Đ phải trả cho ông T toàn bộ số tiền nợ là 256.490.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi.

*Đối với bị đơn ông Đặng Tiến Đ:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đ nhưng ông Đ vắng mặt, không có bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa xét xử mà không có lý do nên Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T buộc ông Đặng Tiến Đ phải trả cho ông T số tiền 140.000.000 đồng; không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T đối với số tiền 116.490.000 đồng; Ông Nguyễn Anh T phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn ông Nguyễn Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Đặng Tiến Đ phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại là 256.490.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn ông Đặng Tiến Đ có nơi cư trú tại thôn Cao Việt, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3] Về thủ tục tố tụng:** Ngày 07/2/2023, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn ông Đặng Tiến Đ nhưng ông Đ vắng mặt tại nơi cư trú theo địa chỉ đã ghi trong đơn khởi kiện (thôn Cao Việt, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị). Do không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông Đ nên ngày 08/2/2023, Tòa án đã lập biên bản xác minh tại Công an xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong thì ông Đ không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Căn cứ địa chỉ của ông Đồng đã ghi trong đơn khởi kiện, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, UBND xã Triệu Phước và tại nhà ông Đặng Tiến Đ ở thôn Cao Việt, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ngày 7/4/2023, ông Nguyễn Anh T có đơn đề nghị thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Đặng Tiến Đ. Để đảm bảo cho bị đơn nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 13/4/2023 Tòa án gửi Công văn số 09/CV-TA cho Báo Công lý, Đài tiếng nói Việt Nam và Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu đăng tin tìm kiếm đối với ông Đặng Tiến Đ. Ngày 28/4/2023, Tòa án nhận được các số báo đăng tin tìm kiếm ông Đặng Tiến Đ được phát sóng trên Báo công lý 03 số liên tiếp 31, 32, 33 vào các ngày 14/4/2023, 21/4/2023 và 26/4/2023; đồng thời thông tin tìm kiếm ông Đ cũng được phát trên đài tiếng nói Việt Nam 03 lần liên tiếp từ 17h50-18h00 vào các ngày 15, 16, 17/4/2023. Hết thời hạn thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Đ không có phản hồi gì nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mở vào các ngày 04/5/2023 và 19/5/2023 nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được có sự tham gia của nguyên đơn. Do ông Đ vắng mặt nên Tòa án đã niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông Đ theo đúng quy định. Ngày 05/6/2023, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử mở phiên tòa vào ngày 21/6/2023 nguyên đơn có mặt; bị đơn ông Đồng vắng mặt lần thứ nhất không rõ lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vụ án vào ngày 14/7/2023. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt; bị đơn ông Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

**[4] Về nội dung:** tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Đặng Tiến Đ phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại là 256.490.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Anh T đã khởi kiện đối với hai khoản nợ với hai số tiền khác nhau, cụ thể:

Đối với khoản nợ 200.000.000 đồng theo giấy nhận nợ được lập ngày 01/6/2022 có nội dung “ông Đặng Tiến Đ có mượn anh Nguyễn Anh T số tiền 200.000.000 đồng, thời gian hoàn trả từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022”.

Đến ngày 27/6/2022, ông Đ có trả cho ông T 60.000.000 đồng, nên số tiền ông Đ còn nợ ông T là 140.000.000 đồng. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản Hội đồng xét xử thấy: qua trình vay tiền của ông T, ông Đ đã lập giấy nhận nợ, thừa nhận khoản nợ với ông T nên thỏa thuận này phù hợp với nội dung và hình thức của hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, nên cần xem xét bảo vệ quyền lợi của các bên đương sự theo đúng quy định của Bộ luật dân sự. Việc ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận vào ngày 01/6/2022 nên ông T khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu giải quyết buộc ông Đ phải trả số tiền 140.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó cần buộc ông Đ phải trả số tiền nợ còn lại là 140.000.000 đồng cho ông T là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, ông T không yêu cầu tính tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản nợ 116.490.000 đồng mà trong quá trình ông Đ bán tại quán nhậu “Đô Bất Tử” có mua bia, nước ngọt tại nhà phân phối của ông T. Ông T cho rằng đây là khoản tiền cá nhân ông T đứng ra cho ông Đ nợ từ ngày 14/4/2022 đến ngày 11/10/2022 thông qua việc giao nhận hàng được ghi chép trong sổ giao hàng của ông T với nhân viên làm việc tại quán nhậu của ông Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có bản trình bày ý kiến cho rằng: số tiền ông Đ còn nợ là 116.490.000 đồng tại sổ giao hàng của quán nhậu “Đô bất tử” do ông Đ làm chủ thì ông Đ không ký nhận hàng hay xác nhận nợ mà chỉ có nhân viên và anh em của ông Đ ký nhận (bút lục 81). Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp được thông tin hay địa chỉ cụ thể của những người đã ký nhận vào sổ giao hàng của ông T để ông T làm căn cứ chứng minh cho việc ông Đ là người ký nhận hàng và người còn nợ ông T số tiền là 116.490.000 đồng. Do đó, khoản tiền nợ do mua hàng là 116.490.000 đồng ông T khởi kiện ông Đ là không có căn cứ nên yêu cầu này của ông T không được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong đơn trình bày ngày 07/6/2023 thì ông T không cung cấp được địa chỉ, tên tuổi của người đã ký nhận vào sổ giao hàng giữa ông T và quán nhậu “Đô bất tử” để Tòa án xem xét đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[5] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:** Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn ông Nguyễn Anh T yêu cầu Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm ông Đ vắng mặt nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên ông T phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 2.715.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự (ông T đã nộp khi Tòa án thông báo).

**[6] Về án phí:** áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau: Ông Nguyễn Anh T khởi kiện số tiền là 256.490.000 đồng, trong đó đó: số tiền 140.000.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí đối với khoản tiền này. Đối với khoản tiền 116.490.000 đồng không được Tòa án chấp nhận nên ông T phải chịu án phí. Đây là loại án phí có giá ngạch nên số tiền án phí ông

Tứ phải chịu là: 5.824.500 đồng ( $116.490.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.824.500 \text{ đồng}$ , làm tròn là 5.824.000 đồng). Bị đơn ông Đặng Tiến Đ có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền là 140.000.000 đồng nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch là 7.000.000 đồng ( $140.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.000.000 \text{ đồng}$ ).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Xứ:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T: buộc ông Đặng Tiến Đ phải trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền gốc là 140.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T đối với số tiền 116.490.000 đồng (*một trăm mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

**2.** Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Nguyễn Anh T phải chịu 2.715.000 đồng (ông Nguyễn Anh T đã nộp đủ).

**3.** Về án phí: Ông Đặng Tiến Đ phải chịu 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Anh T phải chịu 5.824.000 đồng (*năm triệu tám trăm hai bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.412.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000348 ngày 03/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Anh T số tiền chênh lệch sau khi đã khấu trừ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 588.000 đồng (*năm trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**Nguyễn Xuân Hải**

